ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414 (MTTN26018698.07)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 1/3

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại trạm bơm EaNa, Buôn EaNa, Xã EaNa, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 14h30 - 21/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 21/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 21/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 21/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tam Hiep ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ No. 3/2 street, Linh Trung ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414
(MTTN26018698.07)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	8,2	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission of Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs1@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs1@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.07)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/11/2026 Trang/ *Page:* 3/3

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- IIT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 21/10/2026*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result " < 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414 (MTTN26018698.08)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 1/3

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, ngã ba Đồng Tâm, Xã Hòa Phú, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 15h00 - 21/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 21/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 21/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 21/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.08)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/11/2026 Trang/ Page: 2/3

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ No. 232 street, Binh Thuan ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414 (MTTN26018698.08)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	03/11/2026 Trang/ *Page:* 3/3

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	$<1^{(c)}$	-	<1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*

- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 21/10/2026*

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*

- KPH: Không phát hiện / *Not detected*

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*

- $^{(MT-0)}$: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

- $^{(c)}$: Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result "< 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414 (MTTN26018698.09)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 1/3

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại bể chứa Đài phát thanh, Tổ 6 Khối 11, Phường EaKao, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 15h30 - 21/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 21/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 21/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 21/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG * VILAS 004

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ⊙ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ⊙ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ⊙ 3/2 street, Ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414 (MTTN26018698.09)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 2/3

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414
(MTTN26018698.09)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	$<1^{(c)}$	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 21/10/2026*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*
- $^{(MT-0)}$: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*
- $^{(c)}$: Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result "< 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the samely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 604
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414 (MTTN26018698.10)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 1/3

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 242/2 Phan Huy Chú, Phường Thành Nhất, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 13h30 - 21/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 21/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 21/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 21/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * VILAS 604 * ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited on conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414
(MTTN26018698.10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT–0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT–0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT–0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	$<1^{(c)}$	-	<1

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs1@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs1@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: http://quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 81196 Tan Thuan Dong ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414
(MTTN26018698.10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	$<1^{(c)}$	-	< 1

Ghi chú */ Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*

- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 21/10/2026*

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*

- KPH: Không phát hiện / *Not detected*

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*

- $^{(MT-0)}$: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

- $^{(c)}$: Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result " < 1 CFU" is considered " target organism not - detectable " in the test portion.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlt.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlt.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Trun Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414
(MTTN26018698.11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại trạm nước mặt Hà Lan, Đèo Hà Lan, Phường Cư Bao, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 8h00 - 20/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 20/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 20/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 20/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 20/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.11)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/11/2026 Trang/ *Page:* 2/3

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.11)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/11/2026 Trang/ *Page:* 3/3

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1[c]	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 20/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 20/10/2026*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result " < 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414 (MTTN26018698.34)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 1/3

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại bể chứa Tân An, Khối 8, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 11h00 - 23/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 23/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 23/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 23/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 23/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 804). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 804). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414
(MTTN26018698.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	$<1^{(c)}$	-	<1

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cv@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cv@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.34)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 3/3

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	$<1^{(c)}$	-	<1

Ghi chú */ Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*

- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 23/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 23/10/2026*

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*

- KPH: Không phát hiện / *Not detected*

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*

- $^{(MT-0)}$: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

- $^{(c)}$: Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result "< 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlkcsl@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlkcsl@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414
(MTTN26018698.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 99 Lý Thái Tổ, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 8h30 - 21/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 21/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 21/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 21/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cskh@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cskh@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.35)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/11/2026 Trang/ *Page:* 2/3

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	6,5	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.35)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 3/3

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1[c]	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- [HT]: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 21/10/2026*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*
- [MT-0]: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*
- [c]: Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result " < 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Trien Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cai Lai IZ, Cai Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414
(MTTN26018698.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Bể chứa Phan Chu Trinh, 371 Phan Chu Trinh, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 8h00 - 21/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 21/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 21/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 21/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlkh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlkh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414
(MTTN26018698.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.36)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/11/2026 Trang/ *Page:* 3/3

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1[c]	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- [HT]: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 21/10/2026*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*
- [MT-0]: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*
- [c]: Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result " < 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cai Lai IZ, Cai Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414
(MTTN26018698.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 04 Hoàng Diệu, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 9h00 - 21/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 21/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 21/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 21/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.37)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/11/2026 Trang/ *Page:* 2/3

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414
(MTTN26018698.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	$<1^{(c)}$	-	<1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục dích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*

- ^{HT}: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 21/10/2026*

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*

- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*

- KPH: Không phát hiện / *Not detected*

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*

- $^{(MT-0)}$: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

- $^{(c)}$: Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result "< 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C128414
(MTTN26018698.38)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 16 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 9h30 - 21/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 03 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 1 L x 03 + 500 mL x 02*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26018698 ngày 21/10/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26018698 dated 21/10/2026*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 21/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/10/2026 - 03/11/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414 (MTTN26018698.38)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/11/2026 Trang/ *Page:* 2/3

STT *No.*	Phương pháp lấy mẫu *The name of sampling method*	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa *Sampling for chemical analysis*	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh *Sampling for microbiological analysis*	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.1	Chỉ số permanganate *Permanganate index*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) *Ammonium (NH_3/ NH_4^+ as N) content*	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (HT) *Free chlorine content*	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) *Odor*	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ *No strange odor*	-	Không có mùi lạ/ *No strange odor* (MT-0)
7.6	Độ màu *Color*	Pt.Co	SMEWW 2120C:2023	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) *pH value*	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục *Turbidity*	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C128414
(MTTN26018698.38)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1[c]	-	< 1

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- [HT]: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 21/10/2026. / *Characteristics analyzed on site on 21/10/2026*
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*
- [(MT-0)]: Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*
- [(c)]: Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result " < 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.